

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày: 15-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông Nguyễn Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Thị U, sinh năm 1970 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp C A, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang; nơi sinh sống: nhà trọ Nguyễn K (gần Karaoke H), khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1931; có 03 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Loan Ph, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn dân sự: Công ty R; địa chỉ: số 80, tổ 14, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự: Chị Phan Thị Diễm L, sinh năm 1983; nơi cư trú: số 645/12 (số cũ 92/58), tổ 58, đường Hồ Văn C, khu 8, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 11 năm 2019), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lê Thị U và chị Nguyễn Thị Loan Ph quen biết nhau do làm chung Công ty R (sau đây gọi tắt là Công ty) tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Cả hai không có mâu thuẫn gì; thường hay đùa giỡn trong lúc làm việc.

Khoảng 09 giờ ngày 23 tháng 5 năm 2019, U và chị Ph đang làm việc tại xưởng gỗ của Công ty. Chị Ph đứng ở bàn xếp gỗ; U đang cầm 01 ống xịt hơi màu trắng, hình tròn, kích thước dài 6m, đường kính 01cm, ở đầu ống có gắn thêm 01 đoạn ống hình tròn nhỏ hơn màu cam, dài 17cm, đường kính 0,8cm, được lấy hơi từ lò hơi của Công ty để xịt bụi dọn vệ sinh khu vực làm việc. Lúc này, chị Ph thấy U đang đứng quay lưng lại nên dùng tay vỗ vào mông U 01 cái nhằm để đùa giỡn, chọc ghẹo. U cũng đùa giỡn lại và dùng ống hơi đang cầm xịt vào hậu môn của bà Phụng 01 cái rồi tiếp tục làm việc. Một lát sau, chị Ph thấy đau bụng và được người thân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa M, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo U thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố nhưng bị cáo U không nhằm gây thương tích cho bị hại, bị cáo U không thấy trước hành vi của bị cáo có thể gây ra hậu quả; quá trình tố tụng, bị hại và bị đơn dân sự không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành Tội vô ý gây thương tích.

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Vật chứng của vụ án là ống xịt hơi màu trắng, hình tròn, kích thước dài 6m, đường kính 01cm, ở đầu ống có gắn thêm 01 đoạn ống hình tròn nhỏ hơn màu cam, dài 17cm, đường kính 0,8cm (gắn liền với lò hơi) là tài sản của Công ty nên không tiến hành thu giữ.

Theo Giấy chứng nhận thương tích số 81/CN-TT 2019 ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa Mỹ Phước (bút lục số 73) chẩn đoán bị hại Ph bị vỡ đại tràng Sigma do vòi xịt hơi bắn, cần điều trị phẫu thuật cắt đoạn đại tràng, làm hậu môn nhân tạo.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 294/2019/GDPY ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Dương (bút lục số 30), bị hại Ph bị chấn thương vỡ đại tràng Sigma, đã phẫu thuật cắt đoạn đại tràng, làm hậu môn nhân tạo (mở đại tràng ra da vùng trái), sẹo mổ trên dưới rốn 14 x 0,3cm; kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 51% theo bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 12 tháng 6 năm 2014.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo và bị hại không có ý kiến gì về các vấn đề trên; quá trình điều tra, bị đơn dân sự cũng không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị hại Ph yêu cầu bị cáo U bồi thường thiệt hại cho bị hại Ph với tổng số tiền 50.000.000 đồng, bao gồm tiền điều trị thương tích là 37.052.027 đồng, tiền mất thu nhập là 10.000.000 đồng (02 tháng lương bị hại Ph nghỉ việc để điều trị thương tích, mỗi tháng 5.000.000 đồng), tiền xe và chi phí khác là 3.500.000 đồng (bút lục số 117, số 118 và số 119).

Theo Biên bản làm việc ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, bị hại Ph yêu cầu bị cáo U bồi thường thiệt hại cho bị hại Ph với tổng số tiền 57.783.803 đồng, bao gồm:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của bị hại Ph là 31.283.803 đồng, gồm:

- + Tiền thuê phương tiện đưa bị hại Ph đi cấp cứu tại cơ sở y tế và tái khám bệnh hàng tuần từ ngày 23 tháng 5 năm 2019 đến nay là 3.500.000 đồng (không có hóa đơn, chứng từ);

- + Tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế, chi phí chiếu, chụp X-quang, siêu âm, xét nghiệm, mổ...theo chỉ định của bác sĩ; tiền viện phí là 21.783.803 đồng: Giấy ra viện ngày 30 tháng 5 năm 2019, vào viện lúc 12 giờ 03 phút ngày 23 tháng 5 năm 2019, ra viện lúc 14 giờ ngày 30 tháng 5 năm 2019 (bút lục số 61) + Biên lai thu tiền viện phí ngày 30 tháng 5 năm 2019 là 8.641.445 đồng (bút lục số 65); Biên lai thu tiền viện phí ngày 04 tháng 6 năm 2019 là 29.000 đồng (bút lục số 62); Biên lai thu tiền viện phí ngày 10 tháng 6 năm 2019 là 72.000 đồng (bút lục số 66); Biên lai thu tiền viện phí ngày 12 tháng 6 năm 2019 là 15.000 đồng (bút lục số 64); Giấy ra viện ngày 21 tháng 8 năm 2019, vào viện lúc 09 giờ 41 phút ngày 11 tháng 8 năm 2019, ra viện lúc 08 giờ ngày 21 tháng 8 năm 2019 (bút lục số 56) + Biên lai thu tiền viện phí ngày 21 tháng 8 năm 2019 là 12.439.358 đồng (bút lục số 57); Phiếu thu tiền thuốc ngày 30 tháng 5 năm 2019 là 587.000 đồng (bút lục số 63);

- + Tiền mua 100 bịch gấn hậu môn nhân tạo từ ngày 30 tháng 5 năm 2019 đến ngày 14 tháng 8 năm 2019 là 6.000.000 đồng (không có hóa đơn, chứng từ).

- Thu nhập thực tế bị mất của bị hại Ph là 05 tháng lương (từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 11 năm 2019, mỗi tháng 5.000.000 đồng) là 25.000.000 đồng.

- Tiền giám định thương tích là 1.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo U trình bày bị cáo không có khả năng bồi thường thiệt hại vì bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại Ph yêu cầu bị cáo U bồi thường thiệt hại cho bị hại Ph với tổng số tiền 45.783.803 đồng, bao gồm:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của bị hại Ph là 29.283.803 đồng, gồm:

+ Tiền thuê phương tiện đưa bị hại Ph đi cấp cứu tại cơ sở y tế và tái khám bệnh hàng tuần từ ngày 23 tháng 5 năm 2019 đến nay (05 lần, mỗi lần là 300.000 đồng) là 1.500.000 đồng;

+ Tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế, chi phí chiếu, chụp X-quang, siêu âm, xét nghiệm, mổ...theo chỉ định của bác sĩ; tiền viện phí là 21.783.803 đồng;

+ Tiền mua 100 bịch gấn hậu môn nhân tạo từ ngày 30 tháng 5 năm 2019 đến ngày 14 tháng 8 năm 2019 là 6.000.000 đồng.

- Thu nhập thực tế bị mất của bị hại Ph là 03 tháng lương (từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 8 năm 2019, mỗi tháng 5.000.000 đồng) là 15.000.000 đồng.

- Tiền giám định thương tích là 1.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo U và bị hại Ph đều thống nhất bị cáo U đã bồi thường thiệt hại cho bị hại Phượng số tiền 5.000.000 đồng nên bị hại Ph yêu cầu bị cáo U tiếp tục bồi thường thiệt hại số tiền còn lại là 45.783.803 đồng - 5.000.000 đồng = 40.783.803 đồng; bị cáo U đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại Ph.

Đối với bị đơn dân sự Công ty, quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử, bị đơn dân sự Công ty cho rằng vụ việc xảy ra không phải trong khi thực hiện công việc nên Công ty không chịu bất kỳ trách nhiệm nào; vì cán bộ tại bộ phận phân công bị cáo U và bị hại Ph xếp liệu, không phải sử dụng ống xịt hơi để đùa giỡn với nhau trong giờ làm việc, yêu cầu người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 38/CT-VKSBB ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo U về “Tội vô ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt cải tạo không giam giữ bị cáo U 01 năm.

+ Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa, bị cáo U đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại Ph nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo U và bị hại Phượng.

Quá trình tố tụng, bị cáo, bị hại và bị đơn dân sự không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát; riêng về trách nhiệm dân sự, ý kiến bị cáo, bị hại và bị đơn dân sự được thể hiện như trên. Tại phiên tòa, bị đơn dân sự vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng có tiến hành làm việc với Công ty để thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án (bút lục số 80 đến số 104), khám nghiệm hiện trường và thực nghiệm điều tra (bút lục số 34 đến số 42); nhưng Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng không tiến hành lấy lời khai Công ty với tư cách là bị đơn dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, là một trong những căn cứ để trả hồ sơ điều tra bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, việc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng này không xâm hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty đồng thời nhằm hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, căn cứ khoản 1 Điều 13 của Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung, trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công Chủ tọa phiên tòa đã trao đổi với Kiểm sát viên có biện pháp khắc phục kịp thời, cụ thể đã tiến hành lấy lời khai Công ty để làm rõ các tình tiết của vụ án và quan điểm của Công ty về trách nhiệm dân sự, đồng thời xác định tư cách tham gia tố tụng của Công ty trong vụ án là bị đơn dân sự theo quy định tại Điều 64 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị đơn dân sự Công ty vắng mặt tại phiên tòa và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 13 tháng 11 năm 2019, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Đối với Danh bản (bút lục số 43) và Chỉ bản (bút lục số 44) của bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của Danh bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự. Đây là thiếu sót cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án sau này.

Về hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và bị đơn dân sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận:

Khoảng 09 giờ ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại xưởng gỗ của Công ty thuộc khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo U đã vô ý dùng ống xịt hơi màu trắng, hình tròn, kích thước dài 6m, đường kính 01cm, ở đầu ống có gắn

thêm 01 đoạn ống hình tròn nhỏ hơn màu cam, dài 17cm, đường kính 0,8cm (gắn liền với lò hơi) của Công ty xịt vào hậu môn của bị hại Ph trong khi làm việc gây thương tích cho bị hại Ph với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 51%.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, bị đơn dân sự, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm Tội vô ý gây thương tích. Cáo trạng truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi vô ý gây thương tích của bị cáo đối với bị hại Ph là nguy hiểm, xâm phạm đến sức khỏe của bị hại Ph được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xử lý bằng biện pháp hình sự tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Chỉ vì đùa giỡn mà bị cáo đã có hành vi gây thương tích cho bị hại Ph bằng ống xịt hơi trong khi bị cáo và bị hại Ph đang làm việc. Dù bị cáo thực hiện hành vi với lỗi vô ý, bị cáo không nhìn thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho bị hại Ph, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thương tích cho bị hại Ph, làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của bị hại Ph. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là phạt cải tạo không giam giữ 01 năm, đây là một trong những hình phạt chính được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo; mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đã thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại Ph yêu cầu bị cáo U phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Ph tổng số tiền 40.783.803 đồng (bao gồm các khoản đã liệt kê cụ thể như trên và đã trừ số tiền 5.000.000 đồng bị cáo U đã bồi thường thiệt hại cho bị hại Ph trước đó).

Bị đơn dân sự Công ty không đồng ý chịu bất kỳ trách nhiệm nào và yêu cầu người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo U đồng ý bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 40.783.803 đồng cho bị hại Ph. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo U và bị hại Ph không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, mục 1 Phần II của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị U phạm “Tội vô ý gây thương tích”.

Xử phạt tiền bị cáo Lê Thị U 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, mục 1 Phần II của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Thị U và bị hại Nguyễn Thị Loan Ph: bị cáo Lê Thị U có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Loan Ph tổng số tiền 40.783.803 đồng (bốn mươi triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn tám trăm lẻ ba đồng).

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm c, điểm f khoản 1 Điều 23, Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.039.190 đồng (hai triệu không trăm ba mươi chín nghìn một trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Bị cáo; bị hại; bị đơn dân sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên